

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2023-2024
Trường :	Trường Tiểu học Khánh Trung A

1. Chất lượng giáo dục

	Số số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4						
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số		
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
<i>1. Kết quả học tập</i>																								
<i>1. Tiếng Việt</i>	406	406	111	54				90	38				1	105	44				2	100	40			
Hoàn thành tốt		269	80	45				60	30					67	31					62	30			
Hoàn thành		136	31	9				30	8				1	38	13				2	37	10			
Chưa hoàn thành		1																		1				
<i>2. Toán</i>	406	406	111	54				90	38				1	105	44				2	100	40			
Hoàn thành tốt		272	83	44				62	31					66	29					61	29			
Hoàn thành		132	27	10				28	7				1	39	15				2	38	11			
Chưa hoàn thành		2	1																	1				
<i>3. Đạo đức</i>	406	406	111	54				90	38				1	105	44				2	100	40			
Hoàn thành tốt		313	92	49				77	36					80	34				1	64	30			
Hoàn thành		93	19	5				13	2				1	25	10				1	36	10			
Chưa hoàn thành																								
<i>4. Tự nhiên và Xã hội</i>	406	306	111	54				90	38				1	105	44				2					
Hoàn thành tốt		234	87	47				72	35					75	33									
Hoàn thành		72	24	7				18	3				1	30	11				2					
Chưa hoàn thành																								
<i>5. Khoa học</i>	100	100																		100	40			
Hoàn thành tốt		61																		61	29			
Hoàn thành		38																		38	11			
Chưa hoàn thành		1																		1				
<i>6. LS &ĐL</i>	100	100																		100	40			
Hoàn thành tốt		60																		60	28			
Hoàn thành		39																		39	12			
Chưa hoàn thành		1																		1				

7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		287	81	47					68	36					76	35					62	30
Hoàn thành		119	30	7					22	2				1	29	9				2	38	10
Chưa hoàn thành																						
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		280	77	42					65	35					76	35				1	62	30
Hoàn thành		126	34	12					25	3				1	29	9				1	38	10
Chưa hoàn thành																						
9. Hoạt động trải nghiệm	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		299	88	46					69	35					78	36				1	64	30
Hoàn thành		107	23	8					21	3				1	27	8				1	36	10
Chưa hoàn thành																						
10. Giáo dục thể chất	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		313	89	46					78	37					78	34					68	31
Hoàn thành		92	22	8					12	1				1	27	10				2	31	9
Chưa hoàn thành		1																			1	
11. TH-CN (Công nghệ)	205	205													105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		130													68	29					62	30
Hoàn thành		74													37	15				2	37	10
Chưa hoàn thành		1																			1	
12. TH-CN (Tin học)	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		249	72	38					50	25					61	28					66	30
Hoàn thành		156	39	16					40	13				1	44	16				2	33	10
Chưa hoàn thành		1																			1	
13. Ngoại ngữ	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40
Hoàn thành tốt		230	70	39					38	19					59	27					63	30
Hoàn thành		175	41	15					52	19				1	46	17				2	36	10
Chưa hoàn thành		1																			1	
14. Tiếng dân tộc	406																					
Hoàn thành tốt																						
Hoàn thành																						
Chưa hoàn thành																						
II. Năng lực cốt lõi																						
Năng lực chung																						
Tự chủ và tự học	406	406	111	54					90	38				1	105	44				2	100	40

Tốt		300	82	44					67	34					80	37				1	71	32		
Đạt		105	28	10					23	4			1		25	7				1	29	8		
Cần cố gắng		1	1																					
Giao tiếp và hợp tác	406	406	111	54					90	38			1		105	44				2	100	40		
Tốt		317	92	48					69	35					81	36				1	75	35		
Đạt		89	19	6					21	3			1		24	8				1	25	5		
Cần cố gắng																								
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	406	406	111	54					90	38			1		105	44				2	100	40		
Tốt		282	75	41					66	34					72	34				1	69	32		
Đạt		123	35	13					24	4			1		33	10				1	31	8		
Cần cố gắng		1	1																					
Năng lực đặc thù																								
Ngôn ngữ	406	406	111	54					90	38			1		105	44				2	100	40		
Tốt		305	82	43					68	34					81	37				1	74	35		
Đạt		100	29	11					22	4			1		24	7				1	25	5		
Cần cố gắng		1																				1		
Tính toán	406	406	111	54					90	38			1		105	44				2	100	40		
Tốt		290	87	45					62	31					74	34				1	67	32		
Đạt		114	23	9					28	7			1		31	10				1	32	8		
Cần cố gắng		2	1																			1		
Tin học	205	205													105	44				2	100	40		
Tốt		142													74	34				1	68	31		
Đạt		63													31	10				1	32	9		
Cần cố gắng																								
Công nghệ	205	205													105	44				2	100	40		
Tốt		146													77	35				1	69	31		
Đạt		59													28	9				1	31	9		
Cần cố gắng																								
Khoa học	406	406	111	54					90	38			1		105	44				2	100	40		
Tốt		297	91	48					62	31					74	34				1	70	32		
Đạt		108	20	6					28	7			1		31	10				1	29	8		
Cần cố gắng		1																				1		
Thẩm mỹ	406	406	111	54					90	38			1		105	44				2	100	40		
Tốt		320	93	49					79	37					81	37				1	67	32		
Đạt		86	18	5					11	1			1		24	7				1	33	8		

VII. HS.K.Tật		6							1				1	2	2			2	3	1		
VIII. HS bỏ học kỳ II																						
+ Hoàn cảnh GDKK																						
+ KK trong học tập																						
+ Xa trường, đi lại K.khăn																						
+ Thiên tai, dịch bệnh																						
+ Nguyên nhân khác																						
IX. Chương trình lớp học	406	406	111	54					90	38			1	105	44			2	100	40		
Hoàn thành	404	404	110	54					90	38			1	105	44			2	99	40		
Chưa hoàn thành <input type="checkbox"/>	2	2	1																	1		

Khánh Trung, ngày 27 tháng 5 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Nguyên

Số	
Lớp ghép	Khuyết tật
	3
	2
	1
	3
	2
	1
	3
	3
	3
	2
	1
	3
	2
	1

	3
	3
	3
	3
	3
	3
	2
	1
	3
	2
	1
	3
	3
	3
	3
	3
	2
	1
	3
	3

	3
	2
	1
	3
	3
	3
	3
	3
	3
	3
	3
	3
	1
	2
	3
	2
	1

	3
	3
	2
	1